

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A TỈNH BÌNH
ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 327/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10-12-2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2307/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm A1, thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Ông Lê Nhật T1, sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm A1, thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Nhật T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1980 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ chồng sau đó vợ chồng tự tạo lập nhà đất và sinh sống tại thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng bạo hành, không chung thủy. Mặc dù còn sống chung một nhà nhưng đã hơn 15 năm nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, cả hai không còn quan tâm và dành tình cảm cho nhau nữa. Bà xác định không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà có 04 người con chung gồm: Lê Túy L, sinh năm 1981; Lê Huỳnh N3, sinh năm 1984; Lê Huỳnh N4, sinh năm 1988 và Lê Huỳnh Đức N2, sinh năm 1992. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại Đơn khởi kiện và quá trình hòa giải bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại Đơn xin thay đổi sự thỏa thuận đề ngày 18/11/2024 và tại phiên tòa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông T1.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Nhật T1 trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1983 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống chung nhà với cha mẹ ông sau đó vợ chồng tự tạo lập nhà đất và sinh sống tại thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống, vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kinh cãi. Bà T thiếu tôn trọng ông, làm gì cũng không thông qua ý kiến của ông. Vợ chồng còn ăn chung nhưng sinh hoạt riêng. Ông và bà T mỗi người ở một nhà trên cùng một thửa đất. Ông xác định không còn tình cảm với bà T nữa nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông có 04 người con chung gồm: Lê Túy L, sinh năm 1981; Lê Huỳnh N3, sinh năm 1984; Lê Huỳnh N4, sinh năm 1988 và Lê Huỳnh Đức N2, sinh năm 1992. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án k

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Nhật T1.
2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết về con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.
4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Nhật T1 là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Nhật T1 có địa chỉ cư trú tại xóm A1, thôn N, xã N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Bà T xác định bà và ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1980 đến nay. Ông T1 xác định ông và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1983 đến nay. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 136/UBND-XNTTHN ngày 11/9/2024 thì Ủy ban nhân dân xã N1 xác nhận bà T và ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1980 cho đến nay. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà T và ông T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1980 cho đến nay. Theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mặc dù không đăng ký kết hôn vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà T và ông T1 là vợ chồng.

[3] Bà T và ông T1 đều thừa nhận quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và ông T1 đồng ý ly hôn. Do đó theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông T1.

[4] Bà T và ông T1 có 04 người con chung gồm: Lê Túy L, sinh năm 1981; Lê Huỳnh N3, sinh năm 1984; Lê Huỳnh N4, sinh năm 1988 và Lê Huỳnh Đức N2, sinh năm 1992. Bà T và ông T1 thừa nhận hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

[5] Tại Đơn khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1. Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật khi giải quyết là “Ly hôn” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 13/11/2024 thì ngày 18/11/2024 bà T nộp Đơn xin thay đổi sự thỏa thuận và nộp kèm theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2024. Theo đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung và nợ chung giữa bà và ông Lê Nhật T1 đồng thời với việc giải quyết ly hôn. Xét thấy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án đã hỏi bà T về yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện nhưng bà T vẫn xác định không thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện. Do đó, bà T bổ sung yêu cầu chia tài sản chung sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là không có căn cứ để xem xét. Bà T vẫn có quyền khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung và nợ chung của bà T và ông T1 bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T và ông T1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 210; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.
2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Lê Nhật T1.

3. Không giải quyết về con chung.
4. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.
5. Bác yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu.
6. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Nhật T1 được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.
7. Quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T và ông Lê Nhật T1 có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/12/2024).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng KTNV & THA
TAND tỉnh Bình Định;
- UBND xã N1 (để biết);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh